

Số: **243/2025/DS-ST**
Ngày: 13/3/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Ông Nguyễn Văn Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2025 tại Phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2080/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT

Địa chỉ: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP SGTT** ủy quyền lại cho ông T (xin vắng mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Giấy ủy quyền lại số 3438/2023/UQ-TGD ngày 10/10/2023)

2. Bị đơn: Bà T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 119/9 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam T45 - Trại giam quân sự khu vực miền Nam - Quân khu 7.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 19/7/2018, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức sử dụng là 47,000,000 (bốn mươi bảy triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 464,383,181 (bốn trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn một trăm tám mươi mốt) đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 425,539,323 (bốn trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ba mươi chín nghìn ba trăm hai mươi ba) đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/01/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2023, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng 93,407,309 (chín mươi ba triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn ba trăm lẻ chín) đồng, bao gồm nợ gốc là 52,057,884 (năm mươi hai triệu không trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi tư) đồng và lãi quá hạn là 41,349,425 (bốn mươi một triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng tạm tính đến ngày 25/9/2023, lãi tiếp tục tính cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình từ khi thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và Tòa án thu thập được ghi nhận trong biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/01/2025.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa ghi nhận vấn đề sau đây:

A. Tại bản khai ngày 13/3/2025, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng gốc và lãi là 129,613,434 (một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm ba mươi bốn) đồng, lãi được tính từ ngày chuyển nợ quá hạn 23/01/2022, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quá hạn là 3,9%/năm là 77,555,550 (bảy mươi bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi) đồng, lãi tiếp tục tính cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

B. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2025, thể hiện bị đơn là phạm nhân đang chấp hành án theo Quyết định thi hành án số 02/2024/QĐ-CA ngày 18/3/2024 của Tòa án Quân sự Quân khu 7 tại Trại giam Khu vực Miền Nam T45 Quân khu 7. Bị đơn xác nhận nợ, đồng ý trả cho nguyên đơn nợ gốc là 52,057,884 (năm mươi hai triệu không trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi tư) đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2024 là 41,349,425 (bốn mươi một triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng theo cách tính của Ngân hàng. Bị đơn xin được vắng mặt tại các phiên tòa.

C. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại số 119/9 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và đang chấp hành án. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Nguyên đơn ủy quyền hợp lệ cho ông Ttham gia tố tụng, đúng theo quy định tại Điều 138, 141 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 3205/2024/QĐ-UTTA ngày 10/12/2024. Xét bị đơn có lời khai thừa nhận nợ gốc và đồng ý trả nợ gốc, lãi cho nguyên đơn. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Theo thỏa thuận tại các Điều 8, 19, 22, 23 của bản Điều khoản và điều kiện (có hiệu lực từ ngày 15/8/2016), do bị đơn vi phạm nghĩa vụ, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng của chủ thẻ và tiến hành thu hồi nợ vay là đúng theo quy định tại các Điều 465, 470 của Bộ luật Dân sự 2015. Đồng thời, nguyên đơn áp dụng mức lãi suất quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) đối với toàn bộ dư nợ và chấm dứt quyền sử dụng thẻ. Ngày 23/01/2022, dư nợ thẻ được chuyển thành nợ quá hạn là 52,057,884 (năm mươi hai triệu không trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi tư) đồng, bao gồm các giao dịch, phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức, phí rút tiền, phí thường niên được tính đúng theo thỏa thuận của hai bên và có căn cứ chấp nhận.

[5] Theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất. Tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật”*. Theo quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng thì một năm là 365 ngày. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 3.9%/tháng (150% của lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-VBLQ ngày 06/8/2019 của Sacombank về ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam). Tại Điều 22 của Bản điều kiện và điều khoản không ghi nhận lãi được tính theo ngày, tháng hay năm mà chỉ quy định lãi tính từ ngày ghi nợ hoặc từ giao dịch. Tính từ ngày chuyển nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 1145 ngày, theo mức lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng là đúng

theo thỏa thuận, tổng số tiền lãi quá hạn là 77,555,550 (bảy mươi bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi) đồng. Lãi tiếp tục được tính theo lãi suất trong hợp đồng cho đến ngày bị đơn thanh toán hết nợ. Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi với cách tính lãi như trên là đúng, có căn cứ chấp nhận.

[6] Với những lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Viện kiểm sát, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 129,613,434 (một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm ba mươi bốn) đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, 85, 147, 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, 235, 266, 269, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 85, 116, 117, 118, 119, 134, 138, 141, 280, 357, 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 129,613,434 (một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm ba mươi bốn) đồng, bao gồm nợ gốc là 52,057,889 (năm mươi hai triệu không trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng, lãi quá hạn là 77,555,550 (bảy mươi bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi) đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 19/7/2018.

Việc thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bị đơn không trả đủ số tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là 6,480,672 (sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn sáu trăm bảy mươi hai) đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 2,335,000 (hai triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0028854 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- CCTHADS Q. Bình Thạnh;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thanh